

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 16/2025/KDTM-ST
Ngày 03/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn C.
2. Bà Trần Ngọc Ph.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Y, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc H, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 122/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-KDTM ngày 26/6/2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-KDTM ngày 24/7/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-KDTM ngày 14/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V1); trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. (nay là phường Đ, Thành phố Hà Nội). Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thắng L, sinh năm 1998 và ông Nguyễn Trọng T; cùng địa chỉ: Tầng A, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2024). Ông T có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V2; trụ sở: Thửa đất số 332, tờ bản đồ số 36, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phòng Ngọc X, sinh năm 1992; trú tại: Số nhà D, tổ G, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2024, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (gọi tắt V1) do ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Công ty TNHH V2 (gọi tắt Công ty V2) đã ký kết Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023 và Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ và uỷ nhiệm chi số EGV/23135/KU/Lần 01 ngày 12/5/2023 với số tiền vay: 1.000.000.000 đồng,

thời hạn vay: 12 tháng, ngày giải ngân: 12/5/2023, ngày hết hạn: 11/5/2024, mục đích cho vay: Bổ sung vốn kinh doanh bán buôn đa vải gia da PU, P; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 20%, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, V1 và các bên đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm như sau: Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Phòng Ngọc X theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/23135/HDBL ngày 11/5/2023.

Thực hiện Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023, Ngân hàng V1 đã giải ngân cho Công ty TNHH V2 tổng số tiền: 1.000.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1 theo các Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, toàn bộ nghĩa vụ của Công ty V2 đã được chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 07/3/2023. V1 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty V3, các bên có liên quan để yêu cầu hoàn trả nợ vay, thực hiện cam kết với V1 nhưng Công ty V2 và các bên có liên quan cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ của Công ty V2 cho V1. Tạm tính đến hết ngày 03/9/2025, Công ty V2 còn nợ V1 tổng cộng 782.809.505 đồng bao gồm: Nợ gốc 524.396.670 đồng, nợ lãi quá hạn 252.381.173 đồng, nợ lãi chậm trả: 6.031.662 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH V2 có thanh toán một phần nợ vay, sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1 như đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết.

Do Công ty TNHH V2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty V2 phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 03/9/2025 là 782.809.505 đồng bao gồm: Nợ gốc 524.396.670 đồng, nợ lãi quá hạn 252.381.173 đồng, nợ lãi chậm trả: 6.031.662 đồng và tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên từ ngày 04/9/2025 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho V1.

- Trường hợp Công ty V2 không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên, thì bà Phòng Ngọc X phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty V2 theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký với V1.

** Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH V2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phòng Ngọc X: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ bằng hình thức niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập cũng như không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.*

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH V2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phòng Ngọc X đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng V1 cho Công ty TNHH V2 vay vốn theo Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023 và Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ và uỷ nhiệm chi số EGV/23135/KU/Lần 01 ngày 12/5/2023 với số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, thời hạn khoản vay: 12 tháng, ngày giải ngân: 12/5/2023, ngày hết hạn: 11/5/2024, mục đích cho vay: Bổ sung vốn kinh doanh bán buôn da và gia da PU, P, Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 20%, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Thực hiện Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023, Ngân hàng V1 đã giải ngân cho Công ty TNHH V2 tổng số tiền: 1.000.000.000 đồng. Do Công ty TNHH V2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH V2 phải thanh toán nợ vay.

Quá trình tố tụng, Công ty TNHH V2 và bà Phòng Ngọc X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không xuất trình tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Đồng thời, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện đã thanh toán nợ cho Ngân hàng V1.

[3] Xét, Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng V1 đã giải ngân cho Công ty TNHH V2 số tiền 1.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH V2 đã thanh toán tổng số tiền 558.998.150 đồng trong đó bao gồm: nợ gốc 475.603.330 đồng và nợ lãi là 83.394.820 đồng tuy nhiên sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Hiện nay khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng V1 yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền phát sinh theo Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023 và Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ và uỷ nhiệm chi số EGV/23135/KU/Lần 01 ngày 12/5/2023 tính đến ngày 03/9/2025 với tổng số tiền 782.809.505 đồng bao gồm: Nợ gốc 524.396.670 đồng, nợ lãi quá hạn 252.381.173 đồng, nợ lãi chậm trả: 6.031.662 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Xét, Hợp đồng bảo lãnh số EGV/23135/HDBL ngày 11/5/2023 được ký kết giữa Ngân hàng V1 và bà Phòng Ngọc X là hợp pháp, hình thức, nội dung hợp đồng bảo lãnh phù hợp quy định tại Điều 335, 336, 385 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nội dung Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa V1 và bà Phòng Ngọc X không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên buộc các bên phải thực hiện. Theo đó bà Phòng Ngọc X cam kết bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình đồng ý bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang cho bên Công ty TNHH V2 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các

khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và uỷ nhiệm chi số EGV/23135/KU/Lần 01 ngày 12/5/2023 trong trường hợp Công ty TNHH V2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà Phòng Ngọc X phải thanh toán nợ cho Ngân hàng V1 trong trường hợp Công ty TNHH V2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 342, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH V2 phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 30, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 335, 336, 342, 451, Điều 385, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với bị đơn Công ty TNHH V2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Công ty TNHH V2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và uỷ nhiệm chi số EGV/23135/KU/Lần 01 ngày 12/5/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty TNHH V2 tính đến hết ngày 03/09/2025 là 782.809.505 đồng (bảy trăm tám mươi hai triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm lẻ năm đồng) bao gồm: Nợ gốc 524.396.670 đồng (năm trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng), nợ lãi quá hạn 252.381.173 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng), nợ lãi chậm trả: 6.031.662 đồng (sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng). Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 04/09/2025 cho đến khi Công ty TNHH V2 thanh toán xong các khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số EGV/23135 ngày 11/5/2023 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và uỷ nhiệm chi số EGV/23135/KU/Lần 01 ngày 12/5/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty TNHH V2.

3. Trường hợp Công ty TNHH V2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

thì bà Phòng Ngọc X có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo đúng hợp đồng bảo lãnh số EVG/23135/HDBL ngày 11/05/2023 giữa bà Phòng Ngọc X và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH V2 phải chịu 35.312.380 đồng (ba mươi lăm triệu, ba trăm mười hai nghìn, ba trăm tám mươi đồng). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 14.196.956 đồng (mười bốn triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009569 ngày 25/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh.;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ